

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 28/4/2020  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Bà Hà Thị Dung

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 và Thông báo dời lịch xét xử số 08/TB-TA ngày 03 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Khổng Hồ Á T, sinh năm 1997; (có mặt)

ĐKTT: Ấp TA, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Cư trú tại: ấp T1, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

***- Bị đơn:*** Anh Lý Thanh T1, sinh năm 1991; (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp TA, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Khổng Hồ Á T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Lý Thanh T1 tự nguyện kết hôn năm 2015 và có Đ ký kết hôn tại UBND xã Tân Thủy, huyện Ba Tri. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau này, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do có nhiều quan điểm bất đồng, thường xuyên cự cãi nhau. Anh T1 đi làm có tiền nhưng không lo cho vợ con, lại có tính gia trưởng, thường xuyên uống rượu và gây sự vô cớ với chị. Mâu thuẫn ngày càng lớn nên đến tháng 8/2019 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng chính thức sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, dù gia đình hai bên có động viên hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay chị nhận thấy mình đã không còn tình cảm và vợ chồng đã không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T1.

- Về con chung: chị và anh T1 có 01 con chung tên Lý Khổng Minh Đ, sinh ngày 20/8/2015. Hiện cháu Đ đang sống cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- *Quá trình tố tụng, anh Lý Thanh T1 vắng mặt nên không có lời khai.*

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận cho chị Khổng Hồ Á T ly hôn với anh Lý Thanh T1. Về con chung: giao con chung Lý Khổng Minh Đ, sinh ngày 20/8/2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lý Thanh T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng tại phiên tòa bị đơn anh T1 vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Khổng Hồ Á T và anh Lý Thanh T1 kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện và có Đ ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân của chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị T cho rằng mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc do anh T1 không chăm lo cho đời sống gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ tháng 8/2019 đến nay. Chị T xác định không còn tình cảm và không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với anh T1. Trong quá trình tố tụng anh T1 không đến tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử cho thấy anh T1 không có thiện chí hàn gắn cùng chị T. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị T và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung tên Lý Khổng Minh Đ, sinh ngày 20/8/201, hiện cháu Đ đang sống cùng chị T. Từ khi ly thân cho đến nay cháu Đ do chị T chăm sóc tốt, anh T1 cũng không có tranh chấp về quyền nuôi con với chị T. Để đảm bảo cho cuộc sống, việc học hành cũng như việc phát triển tâm sinh lý của cháu Đ được ổn định, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Đ cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con đây là sự tự nguyện của chị T nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: chị T cho rằng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Khổng Hồ Á T phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Khổng Hồ Á T ly hôn với anh Lý Thanh T1.

2. Về con chung: Chị Khổng Hồ Á T có quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nuôi con chung là Lý Khổng Minh Đ, sinh ngày 20/8/2015. Ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Khổng Hồ Á T phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008646 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đã ký**

**Nguyễn Duy Linh**